

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
NAVICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...~~856~~.../ CV/ KTTC

TP Long xuyên, ngày 08 tháng 5 năm 2013

Trích yếu: "Bổ sung thuyết minh báo cáo
hoàn chỉnh quý I/2013"

Kính gửi: - **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ Phần Nam Việt, mã chứng khoán : ANV đã công bố thông tin vào ngày 03/5/2013, nhưng do thuyết minh chưa bao gồm phần thông tin bộ phận và rủi ro tài chính. Nay công ty Cổ Phần Nam Việt xin gửi lại thuyết minh báo cáo tài chính hoàn chỉnh của công ty mẹ và hợp nhất.

Công ty xin giải trình để quý cơ quan và cổ đông được rõ.
Trân trọng kính chào.

Nơi nhận
- Như trên
- Ban TGĐ
- Lưu VT



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

M.S.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã bán 8.100.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần cromit Nam Việt (Công ty con). Công ty chỉ còn nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu tương đương 6% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cromit Nam Việt.

Ngày 01 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Nam Việt đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Piazza's Seafood World., LLC trong Công ty TNHH thủy sản Biển Đông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 tháng đến 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 tháng đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 203/2009/TT-BTC) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-7

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Chi phí đèn bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỳ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng, Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 09

8. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo Phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Cromit Nam Việt sẽ được khấu hao từ khi bắt đầu sản xuất (tháng 01 năm 2011) cho thời gian sử dụng còn lại.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

10. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc, Dự phòng đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các Công ty trong Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trả trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo qui định của giấy chứng nhận đầu tư số 57104100001 ngày 02 tháng 07 năm 2007. Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất hoạt động sản xuất chế biến thủy sản 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 số 521022000154 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp. Thuế suất thuế TNDN 25%.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm, Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT-BTC.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yêu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÁY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÉ TOÁN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

% sở hữu trong giấy phép của công ty con

Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	100%
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	90,82%

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tiền mặt	463,663,691	1,477,373,632
Tiền gửi ngân hàng	15,509,748,557	58,882,780,129
Các khoản tương đương tiền (*)	1,700,000,000	16,248,400,000
Cộng	17,673,412,248	76,608,553,761

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Cho cá nhân vay	765,930,340	779,930,340
Cho công ty CP Cromit Nam Việt vay	58,228,001,613	6,023,001,613
Cho công ty TNHH Đại Tây Dương vay	450,000,000	
Cộng	58,993,931,953	7,252,931,953

3. Các khoản phải thu

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	437,699,629,778	461,743,161,541
Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương (**)	75,434,526,340	73,775,840,499
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	62,859,123,727	31,701,027,450
Cộng	575,993,279,845	567,220,029,490

(*) Tại công ty CP. Nam Việt

Phải thu bán thành phẩm	290,652,133,628
Phải thu phí ủy thác và các khoản trả hộ	94,671,321,681
Phải thu tiền thoái vốn CP Cromit Nam Việt	25,293,101,305
Phải thu tiền hóa chất	11,512,195,051
Phải thu lãi cho Cromit Nam Việt vay	11,739,286,400
Phải thu bán tài sản	2,127,864,728
Phải thu bán Gelatin	981,268,065
Phải thu bán phụ phẩm	492,005,000
Thu khác	230,453,920
Cộng	437,699,629,778

(**) Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương

Phải thu bán thành phẩm	75,432,933,340
Thu khác	1,593,000
Cộng	75,434,526,340

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4. Trả trước người bán

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	137,842,778,051	65,332,288,562
Tại công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	2,076,971,678	1,933,037,572
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	15,000,000	15,000,000
Công	139,934,749,729	67,280,326,134

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

<i>Đầu tư nuôi cá</i>	77,634,780,994
<i>Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá</i>	31,331,973,232
<i>Lắp đặt khung nhà tháp nhà máy thức ăn</i>	19,010,873,598
<i>Üng trước chi phí gia công Gelatin</i>	2,823,038,203
<i>Mua tài sản</i>	1,847,989,034
<i>Mua thiết bị lắp đặt lò hơi</i>	1,646,700,000
<i>Tham gia hội chợ</i>	1,094,194,903
<i>Üng trước mua cá biển</i>	620,302,112
<i>Mua vật tư và các loại khác</i>	1,832,925,975
Công	137,842,778,051

5. Các khoản phải thu khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Lãi cho vay	3,401,420,928	6,976,163,708
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu phải thu	6,662,870,479	5,502,097
Chi hộ cước vận chuyển cty CP Ba Long	69,435,270	69,435,270
Tiền, vật tư cho mượn	12,690,850,000	2,696,489,691
Các khoản phải thu khác	4,963,947,538	4,382,564,149
Công	27,788,524,215	14,130,154,915

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	67,212,465,343	67,212,465,343
Công	67,212,465,343	67,212,465,343

7. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Hàng mua đang đi trên đường	2,642,746,090	16,931,035,809
Nguyên vật liệu	44,856,030,465	36,192,670,964
Công cụ dụng cụ	2,974,359,190	2,960,781,579
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*)	468,666,519,997	441,113,613,383
Thành phẩm	209,017,415,572	253,846,643,459
Hàng hóa	16,155,056,186	16,435,958,851
Hàng gửi đi bán	11,513,621,753	13,676,443,074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,366,107,782)	(4,366,107,782)
Công	751,459,641,471	776,791,039,337

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí nuôi cá	467,480,772,036
Chi phí sản xuất bao bì dở dang	776,422,238
Chi phí sản xuất thuốc dở dang	409,325,723
Cộng	468,666,519,997

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tạm ứng mua hàng	12,602,789,147	6,758,297,630
Ký quỹ	88,815,799	353,685,267
Cộng	12,691,604,946	7,111,982,897

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2012	<u>255,743,156,978</u>	<u>465,448,547,587</u>	<u>46,739,864,790</u>	<u>11,122,417,737</u>	<u>779,053,987,092</u>
Tăng trong kỳ	5,635,845,224	3,817,387,238	1,010,336,000		10,463,568,462
Giảm trong kỳ		(14,959,224,752)			(14,959,224,752)
Tại ngày 31/03/2013	<u>261,379,002,202</u>	<u>454,306,710,073</u>	<u>47,750,200,790</u>	<u>11,122,417,737</u>	<u>774,558,330,802</u>
Khấu hao luỹ kế					
Tại ngày 31/12/2012	<u>173,762,419,436</u>	<u>291,777,840,025</u>	<u>32,938,983,725</u>	<u>9,851,339,629</u>	<u>508,330,582,815</u>
Tăng trong kỳ	7,983,639,293	13,285,687,876	1,570,743,945	167,192,927	23,007,264,041
Giảm trong kỳ		(921,432,000)			(921,432,000)
Tại ngày 31/03/2013	<u>181,746,058,729</u>	<u>304,142,095,901</u>	<u>34,509,727,670</u>	<u>10,018,532,556</u>	<u>530,416,414,856</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm 2013	<u>81,980,737,542</u>	<u>173,670,707,562</u>	<u>13,800,881,065</u>	<u>1,271,078,108</u>	<u>270,723,404,277</u>
Số dư cuối quý I/2013	<u>79,632,943,473</u>	<u>150,164,614,172</u>	<u>13,240,473,120</u>	<u>1,103,885,181</u>	<u>244,141,915,946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2012	<u>36,781,113,206</u>	<u>36,781,113,206</u>
Tăng trong kỳ	15,988,050,000	15,988,050,000
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 31/03/2013	<u>52,769,163,206</u>	<u>52,769,163,206</u>
Khấu hao luỹ kế		
Tại ngày 31/12/2012	<u>1,065,654,892</u>	<u>1,065,654,892</u>
Tăng trong kỳ	1,962,939,076	1,962,939,076
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 31/03/2013	<u>3,028,593,968</u>	<u>3,028,593,968</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm 2013	<u>35,715,458,314</u>	<u>35,715,458,314</u>
Số dư cuối quý I/2013	<u>49,740,569,238</u>	<u>49,740,569,238</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2012	<u>108,856,719,893</u>	<u>491,569,000</u>	<u>109,348,288,893</u>
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Tại ngày 31/03/2013	<u>108,856,719,893</u>	<u>491,569,000</u>	<u>109,348,288,893</u>
Khấu hao luỹ kế			
Tại ngày 31/12/2012		<u>273,441,332</u>	<u>273,441,332</u>
Tăng trong kỳ		18,558,498	18,558,498
Giảm trong kỳ			
Tại ngày 31/03/2013		<u>291,999,830</u>	<u>291,999,830</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm 2013	<u>108,856,719,893</u>	<u>218,127,668</u>	<u>109,074,847,561</u>
Số dư cuối quý I/2013	<u>108,856,719,893</u>	<u>199,569,170</u>	<u>109,056,289,063</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2012	<u>131,065,106,362</u>
Tăng trong kỳ	9,184,193,641
Giảm trong kỳ	10,809,201,444
Tại ngày 31/03/2013	<u>129,440,098,559</u>

Trong đó:

Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	97,255,278,739
Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi	22,577,148,738
Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn	8,487,664,967
Chi phí khác	1,120,006,115
Công	<u>129,440,098,559</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Đầu tư vào Cty liên kết (1*)	179,925,000,000	159,612,500,000
Đầu tư chứng khoán (2*)	188,200,000,000	188,200,000,000
Đầu tư dài hạn khác (3*)	56,304,000,000	56,304,000,000
DP giảm giá ĐTTC dài hạn	(3,666,053,832)	(6,666,053,832)
Công	420,762,946,168	397,450,446,168

(*) Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	159,612,500,000		
(2*) 2- Ngân Hàng TM CP Phát Triển Mê Kông	135,000,000,000	5,400,000	10,000
(3*) 1- Góp vốn Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20,000,000,000	200	100,000,000
3- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10,000,000,000	1,000,000	10,000
4- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5,000,000,000		
5- Góp vốn cty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000		
6- Góp vốn cty CP Cromit Nam Việt	11,000,000,000		

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Chi phí trả trước dài hạn	15,591,080,089	14,397,672,160
Ký quỹ	3,548,930,000	2,789,050,000
Công	19,140,010,089	17,186,722,160

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Ngân hàng Vietcombank An Giang	274,249,349,245	294,376,409,245
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	79,446,642,789	71,188,278,305
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - AG	173,400,000,000	132,000,000,000
Ngân hàng Phát Triển - CN An Giang	78,600,000,000	48,000,000,000
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển -CN Châu Đốc	117,126,180,106	122,285,250,375
Cá Nhân	93,307,528,844	94,711,528,844
Nợ dài hạn đến hạn trả NH An Bình, ACB	21,080,055,952	25,544,344,861
Công	837,209,756,936	788,105,811,630

16. Phải trả người bán

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	57,098,752,284	114,904,355,933
Tại công ty TNHH MTV Án Độ Dương	1,811,382,658	2,519,078,189
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông(**)	10,511,252,207	9,837,006,302
Công	69,421,387,149	127,260,440,424

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

Mua nguyên liệu SX thức ăn cho cá	12,869,748,591
Mua bao bì, giấy	9,166,332,164
Mua hóa chất, thuốc thủy sản	8,646,298,421
Cước, vận chuyển	8,012,683,504
Mua cổ phần Công ty TNHH TS Biển Đông	3,499,104,000
Chi đầu tư nuôi cá	3,388,308,537
Lắp đặt trạm biến áp nhà máy thức ăn	2,574,182,998
Mua máy móc, thiết bị	2,187,271,856
Lắp đặt dây chuyền chế biến thức ăn	1,776,314,730
Cai tạo nồi hơi đốt than nhà máy thức ăn	1,372,000,000
Chi phí thuê đào ao nuôi cá	848,088,425
Phí trả mua vật tư, dịch vụ khác	2,758,419,058
<u>Công</u>	<u>57,098,752,284</u>

(**) Tại công Ty TNHH Thủy Sản Biển Đông

Mua thành phẩm fillet	9,552,725,455
Phí trả mua vật tư, dịch vụ khác	958,526,752
<u>Công</u>	<u>10,511,252,207</u>

17. Người mua trả tiền trước

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	32,720,995,412	13,020,949,263
Tại công ty TNHH MTV Án Độ Dương	1,020,926,076	238,668,052
<u>Công</u>	<u>33,741,921,488</u>	<u>13,259,617,315</u>

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

Bán nồi hơi đốt trâu	17,522,502,223
Bán thành phẩm cá filet	12,796,498,021
Bán phụ phẩm	1,496,546,148
Khác	905,449,020
<u>Công</u>	<u>32,720,995,412</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Thuế GTGT	784,119,869	461,637,713
Thuế xuất nhập khẩu	972,009,385	775,091,786
Thuế thu nhập doanh nghiệp		199,720,976
Thuế thu nhập cá nhân	598,440,892	613,366,121
Thuế tài nguyên	5,497,380	5,825,880
<u>Công</u>	<u>2,360,067,526</u>	<u>2,055,642,476</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mỠ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường MỸ QUÝ, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**19. Phải trả công nhân viên**

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Tiền lương còn phải trả công nhân viên	17,943,732,717	24,895,493,230
Công	<u>17,943,732,717</u>	<u>24,895,493,230</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	96,829,189,958	38,108,775,821
Bảo hiểm phải nộp	2,229,548,334	1,200,047,194
Cố tức phải trả	913,684,500	922,684,500
Phải trả phải nộp khác	2,570,073,299	2,877,682,218
Công	<u>102,542,496,091</u>	<u>43,109,189,733</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Công Ty Cho Thuê Tài Chính NH Á Châu	26,663,942,322	16,784,725,698
Công	<u>26,663,942,322</u>	<u>16,784,725,698</u>

Khoản vay Ngân hàng An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ân Độ Dương

- + Số tiền vay : 270,000,000,000 VNĐ
- + Thời hạn vay : 6 năm

22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Vốn chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>(27,417,629,848)</u>	<u>172,257,725,097</u>
Tăng trong kỳ				10,726,451,544
Giảm trong kỳ				4,372,120,022
Số dư tại ngày 31/03/2013	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>(27,417,629,848)</u>	<u>178,612,056,619</u>

Mệnh giá cổ phần: 10,000 VND

Tổng số cổ phần : 66,000,000 CP

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Doanh thu bán thành phẩm	432,892,019,485	253,492,221,757
Doanh thu bán phụ phẩm	52,935,887,440	40,846,122,652
Doanh thu bán quặng và ferocrom		29,255,687,121
Doanh thu bán thức ăn viên	502,591,667	
Doanh thu bán Genlatin	988,040,877	323,653,585
Doanh thu khác	2,063,650,380	872,758,077
Công	<u>489,382,189,849</u>	<u>324,790,443,192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Giá vốn bán thành phẩm	371,196,088,370	215,633,519,921
Giá vốn bán phụ phẩm	57,059,020,289	38,594,502,834
Giá vốn bán quặng và ferocrom		29,637,853,439
Giá vốn thức ăn viên	392,611,600	
Giá vốn Genlatin	580,028,778	245,733,840
Giá vốn khác	2,096,632,432	862,152,356
<u>Công</u>	<u>431,324,381,469</u>	<u>284,973,762,390</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,566,134,222	3,481,900,975
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,027,500,000	201,568,048
Lãi chênh lệch tỷ giá	818,702,544	2,054,267,753
<u>Công</u>	<u>6,412,336,766</u>	<u>5,737,736,776</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Lãi vay	14,292,499,142	15,741,941,214
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21,546,677	464,201,433
<u>Công</u>	<u>14,314,045,819</u>	<u>16,206,142,647</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Cước tàu, vận chuyển	24,944,706,744	10,176,866,532
Chi phí khác	9,209,875,505	6,827,783,043
<u>Công</u>	<u>34,154,582,249</u>	<u>17,004,649,575</u>

6. Chi phí QLDN

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Khấu hao	447,206,880	1,105,268,325
Chi phí lương phải trả	4,221,381,855	3,504,763,168
Chi phí quản lý khác	4,579,825,892	2,466,418,762
<u>Công</u>	<u>9,248,414,627</u>	<u>7,076,450,255</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Thu từ bán thanh lý tài sản	77,272,726	897,769,450
Thu nhập khác	624,541,173	1,331,282,973
<u>Công</u>	<u>701,813,899</u>	<u>2,229,052,423</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý I năm 2013</u>	<u>Quý I năm 2012</u>
Chi phí thanh lý tài sản	338,624,332	
Chi phí khấu hao tài sản	185,314,072	
Chi phí khác	415,967,536	231,366,092
<u>Công</u>	<u>939,905,940</u>	<u>231,366,092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường MỸ QUÝ, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VII. THÔNG TIN KHÁC

1.Giao dịch với các bên liên quan.

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của các công ty trong tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

* Giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Ban Tổng Giám Đốc

Giao dịch trong quý

Trả vay cho ông Doãn Tới

1,404,000,000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ban Tổng Giám Đốc

Số cuối quý

Phải trả tiền vay ông Doãn Tới

3,307,528,844

Phải trả tiền vay bà Dương Thị Kim Hương

90,000,000,000

* Giao dịch với các bên liên quan khác.

- Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem đầu tư liên kết.

- Công ty TNHH Đại Tây Dương là công ty của thành viên gia đình Tổng giám đốc.

- Công ty TNHH Thanh Thiên là công ty của thành viên gia đình Tổng giám đốc.

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Giao dịch trong quý

Đại Tây Dương trả vay

450,000,000

Đại Tây Dương trả ứng

1,044,450,000

Cộng:

1,494,450,000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các công ty liên quan.

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Số cuối quý

Phải thu thu hồi vốn cổ phần Cromit Nam Việt

27,805,298,954

Phải thu khoản chi hộ phí xuất khẩu ủy thác

82,095,533,685

Phải thu vật tư cho mượn

11,512,195,051

Phải thu phí ủy thác

10,060,252,247

Phải thu khác

2,701,782,505

Cộng:

134,175,062,442

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Số cuối quý

Phải trả mua thành phẩm

229,406,185

Trả trước tiền thuê gia công

2,823,038,203

Cộng:

3,052,444,388

2.Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	421,448,949,982	272,435,912,945
Trong nước	67,933,239,867	52,354,530,247
Cộng	489,382,189,849	324,790,443,192

Các công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

3.Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các công ty liên quan và nhân viên vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối quý					
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,673,412,248	-	-	-	17,673,412,248
Phải thu khách hang	507,289,112,318	-	-	68,704,167,527	575,993,279,845
Các khoản cho vay	58,993,931,953	-	-	-	58,993,931,953
Các khoản phải thu khác	25,028,238,945	-	-	2,760,285,270	27,788,524,215
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	233,504,000,000	-	-	11,000,000,000	244,504,000,000
Cộng	842,488,695,464	-	-	82,464,452,797	924,953,148,261
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	76,608,553,761	-	-	-	76,608,553,761
Phải thu khách hang	498,515,861,963	-	-	68,704,167,527	567,220,029,490
Các khoản cho vay	7,252,931,953	-	-	-	7,252,931,953
Các khoản phải thu khác	14,153,417,548	-	-	2,760,285,270	16,913,702,818
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	233,504,000,000	-	-	11,000,000,000	244,504,000,000
Cộng	830,034,765,225	-	-	82,464,452,797	912,499,218,022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	69,421,387,149	-	-	69,421,387,149
Vay và nợ	837,209,756,936	26,663,942,322	-	863,873,699,258
Các khoản phải trả khác	102,542,496,091	-	-	102,542,496,091
Cộng	1,009,173,640,176	-	-	1,035,837,582,498

Số đầu năm

Phải trả người bán	127,260,440,424	-	-	127,260,440,424
Vay và nợ	789,199,730,449	16,784,725,698	-	805,984,456,147
Các khoản phải trả khác	41,939,142,539	-	-	41,939,142,539
Cộng	958,399,313,412	16,784,725,698	-	975,184,039,110

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 03 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra từ nay cho tới cuối năm với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	630,493.77	1,853.53	1,769,831.74	1,858.86
Phải thu khách hàng	15,349,008.59		13,846,231.04	-
Vay và nợ	(16,680,901.40)		(16,624,477.69)	-
Phải trả người bán	(253,285.94)		(889,252.28)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(954,684.98)	1,853.53	(1,897,667.19)	1,858.86

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tình hình tỉ giá ngoại tệ không có biến động lớn trong quý 1.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nồi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nồi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,700,000,000		10,000,000,000	300,000
Vay và nợ	(423,332,505,151)	(16,680,901)	(364,120,536,252)	(16,624,477,69)
(Nợ phải trả) thuần	(421,632,505,151)	(16,680,901)	(354,120,536,252)	(16,324,477,69)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nồi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu quý I của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2,108,162,526 VND.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nồi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu quý I của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 868,032,386 VND

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

4.Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ							
	Số cuối quý	Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối quý	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng		Giá trị hợp lý	
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,673,412,248			76,608,553,761		-	17,673,412,248	76,608,553,761
Phải thu khách hàng	575,993,279,845	(64,312,180,073)		567,220,029,490	(64,312,180,073)		575,993,279,845	567,220,029,490
Các khoản cho vay	58,993,931,953			7,252,931,953		-	58,993,931,953	7,252,931,953
Các khoản phải thu khác	31,337,454,215	(2,760,285,270)		16,913,702,818	(2,760,285,270)		31,337,454,215	16,913,702,818
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	244,504,000,000	(6,666,053,832)		244,504,000,000	(6,666,053,832)		244,504,000,000	244,504,000,000
Cộng	928,502,078,261	(73,738,519,175)		912,499,218,022	(73,738,519,175)		928,502,078,261	912,499,218,022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả người bán	69,421,387,149	127,260,440,424	69,421,387,149	127,260,440,424
Vay và nợ	863,873,699,258	804,890,537,328	863,873,699,258	804,890,537,328
Các khoản phải trả khác	102,542,496,091	43,033,061,358	102,542,496,091	43,033,061,358
Cộng	1,035,837,582,498	975,184,039,110	1,035,837,582,498	975,184,039,110

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban điều hành các Công ty trong Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi số.

Lập bìa



Dương Minh Phong

Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh

An Giang, ngày 08 tháng 05 năm 2013

Tổng giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Nhứt